

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Đường và rãnh thoát nước khu dân cư thôn 4 xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 8058/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điểm xen cư khu vực Đa Thoàn, thôn 4 xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 216/TĐ-KTHT ngày 09/ 8 /2021 và UBND xã Thọ Vực tại Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 05/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường và rãnh thoát nước khu dân cư thôn 4 xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Tên công trình:** Đường và rãnh thoát nước khu dân cư thôn 4 xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- 2. Loại, cấp công trình:** Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Vực, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

4. Tổng diện tích mặt bằng quy hoạch: 938,0m².

5. Chủ đầu tư: UBND xã Thọ Vực.

6. Giải pháp thiết kế:

6.1. Đường giao thông.

a) *Bình đồ hướng tuyến:* Gồm 01 tuyến đường ở phía sau các lô đất được quy hoạch. Tổng chiều dài tuyến đường L= 33m.

b) *Trắc dọc tuyến:*

- Cao độ tuyến đường giao thông được thiết kế tuân thủ với mặt bằng quy hoạch được duyệt và phù hợp với các tuyến đường hiện trạng.

- Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=0,455\%$ với chiều dài 33m.

c) *Mặt cắt ngang:*

+ Chiều rộng nền đường: $B_n = 4,5m;$

+ Chiều rộng mặt đường: $B_m = 3,0m;$

+ Bề rộng lề trái: $B_{lt} = 0,5m;$

+ Bề rộng RTN phải tuyến: $B_{rp} = 1,0m;$

+ Độ dốc ngang mặt đường: $I_m = 2\%;$

d) *Nền đường:*

Nền đường được đắp đất đầm tri, đảm bảo độ chặt yêu cầu ($K \geq 0,95$). Hệ số mái taluy đắp $m=1,5$. Trước khi đắp được đào bỏ lớp bùn, phong hóa.

e) *Mặt đường:*

Mặt đường bằng lớp cấp phối đá dăm loại I dày 16cm.

6.2. Rãnh thoát nước.

a) *Rãnh thoát nước:* Được bố trí bên phải tuyến đường, tổng chiều dài tuyến rãnh L=295,35m được tạo thành bởi các đoạn dài 10m, liên kết kín nước bằng giấy dầu tấm nhựa đường. Mặt cắt ngang rãnh hình chữ nhật kích thước $b \times h = (0,5 \times 0,6)m$. Kết cấu đáy rãnh bằng BTXM M200, đá 1x2, dày 15cm; thành rãnh xây gạch không nung đặc VXM M50, dày 22cm, trát thành trong và ngoài rãnh VXM M75; rãnh được đập các tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn có kích thước 0,7x1,0m dày 10cm.

b) *Công trình trên tuyến:*

* *Cửa chia nước:* Tại vị trí K0+275,20, mặt cắt ngang cửa chia nước hình chữ nhật, kích thước $b \times h = (0,5 \times 0,6)m$; thành cửa xây gạch không nung đặc VXM M50, dày 22cm, trát thành VXM M75, dày 1,5cm, cửa được đập các tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2 đúc sẵn có kích thước 0,7x1,0m dày 10cm.

* *Cống chịu lực qua đường*: Tại các vị trí tại K0+95,2 và K0+186,2; chiều dài mỗi cống L=7m, mặt cắt ngang cống hình chữ nhật, kích thước bxx=(0,5x0,55)m; đáy cống đổ BTXM M200, đá 1x2, dày 20cm; thành cống xây gạch bê tông VXM M50, dày 33cm, trát thành VXM M75, dày 1,5cm, cống được đặt các tấm đan bằng BTCT M250 đá 1x2 kích thước 0,7x1,0m dày 15cm.

7. Giá trị dự toán và nguồn vốn

7.1. Giá trị dự toán: 595.539.000 đ.

(Năm trăm chín lăm triệu, năm trăm ba chín nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp	497.444.000 đ
- Chi phí QLDA	12.494.889 đ
- Chi phí TVĐTXD	47.258.165 đ
- Chi phí khác	9.983.267 đ
- Chi phí dự phòng	28.359.016 đ

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

7.2. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn cấp quyền sử dụng đất của mặt bằng quy hoạch (được phê duyệt tại Quyết định số 8058/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện).

8. Hình thức quản lý dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

9. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Giao UBND xã Thọ Vực (Chủ đầu tư): Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc nhà nước Triệu Sơn; Chủ tịch UBND xã Thọ Vực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

DỰ TOÁN

**CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀ RÃNH THOÁT NƯỚC KHU DÂN CƯ THÔN 4 XÃ
THỌ VỰC, HUYỆN TRIỆU SƠN**

Đơn vị tính: đồng

TT	THÀNH PHẦN CHI PHÍ	GIA TRỊ TRƯỚC THUẾ	VAT(10%)	GIA TRỊ SAU THUẾ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	452.221.818	45.222.182	497.444.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	12.494.889		12.494.889
III	CHI PHÍ TV ĐTXD	42.961.968	4.296.197	47.258.165
1	Khảo sát địa hình	5.129.091	512.909	5.642.000
2	Lập Báo cáo KT-KT	26.228.865	2.622.887	28.851.752
3	Giám sát thi công xây dựng	11.604.012	1.160.401	12.764.413
IV	CHI PHÍ KHÁC	9.438.774	544.493	9.983.267
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	56.576		56.576
2	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	2.320.802		2.320.802
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	1.616.464		1.616.464
4	Kiểm toán	5.444.931	544.493	5.989.424
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	25.855.872	2.503.144	28.359.016
	TỔNG CỘNG	542.973.321	52.566.015	595.539.337
	LÀM TRÒN			595.539.000

Bảng chữ: (Năm trăm chín lăm triệu, năm trăm ba chín nghìn đồng)/.